

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Tên gói thầu: Thay thế và lắp đặt màn hình LED tại sảnh lễ tân và phòng họp
lầu 02 tòa nhà Hành chính Công ty.**

Phát hành ngày: _____

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

Bên mời thầu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá cạnh tranh (nộp báo giá) gói thầu “thay thế và lắp đặt màn hình LED tại sảnh lễ tân và phòng họp lầu 02 tòa nhà Hành chính Công ty”. Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương có đủ điều kiện thực hiện gói thầu theo quy định của pháp luật do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

- Có ít nhất 01 hợp đồng có tính chất tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc nhà thầu đã hoàn thành phần lớn (hoàn thành 70% gói thầu) trong vòng 3 năm trở lại đây (tính từ thời điểm hết hạn nộp BBG): có giá trị $\geq$ **362 triệu đồng**.
- Cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm ngừng tiếp nhận Bản báo giá.

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

- Danh mục hàng hóa với các thông số kỹ thuật trong biểu phạm vi cung cấp là các mục hàng hóa mà PVPower NT2 đang sử dụng hoặc mong muốn sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại mã trên hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng và hệ

thông hiện hữu của Bên mời thầu. Trong trường hợp Nhà thầu chào hàng tương đương thì phải cung cấp các tài liệu chứng minh tính tương đương của hàng hóa và phải có cam kết tính tương thích của hàng hóa chào tương đương trong quá trình sử dụng, lắp đặt (tương thích cả về thông số kỹ thuật và hình dáng hình học để lắp đặt được vào vị trí thực tế của thiết bị).

- Nhà thầu cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất kèm theo đúng chủng loại hàng hóa trong Bản báo giá.
- Trong quá trình đánh giá bản báo giá, để đảm bảo tính chính xác của hàng hóa nhà thầu chào, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa (kể cả những hàng hóa nhà thầu chào đúng loại tham khảo nêu trong YCBG).
- Nhà thầu phải tự khảo sát và xem xét hệ thống tiếp nhận của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và các khu vực xung quanh để có tất cả các thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị Bản báo giá và phương tiện vận chuyển phù hợp. Nhà thầu phải tự chịu mọi chi phí cho việc khảo sát (nếu cần thiết) nêu trên và chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

Các tiêu chuẩn về kỹ thuật:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi cung cấp			
1	Chủng loại hàng hóa cung cấp	Theo điểm 1, Mục 1, chương II của Bản yêu cầu báo giá	Không đúng theo điểm 1, Mục 1, chương II của Bản yêu cầu báo giá
2	Số lượng hàng hóa cung cấp	Theo điểm 1, Mục 1, chương II của Bản yêu cầu báo giá	Không đúng theo điểm 1, Mục 1, chương II của Bản yêu cầu báo giá
II. Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa			
1	Các thông số kỹ thuật theo biểu phạm vi cung cấp	Theo điểm 2, Mục 1, chương II của Bản yêu cầu báo giá	Không đúng theo điểm 2, Mục 1, chương II của Bản yêu cầu báo giá
2	Cam kết cung cấp CO&CQ theo biểu phạm vi cung cấp	Theo điểm 1, Mục 1, chương II của Bản yêu cầu báo giá	Không đúng theo điểm 1, Mục 1, chương II của Bản yêu cầu báo giá
III. Chế độ Bảo hành			
1	Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa	Có cam kết	Không có cam kết

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá ((nếu có)³);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo

các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định trên, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của Bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

Mục 6. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu 03a và Mẫu 03a (1);
3. Các nội dung cần thiết khác:
 - a. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;

- b. Có ít nhất 01 hợp đồng có tính chất tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc nhà thầu đã hoàn thành phần lớn (hoàn thành 70% gói thầu) trong vòng 3 năm trở lại đây (tính từ thời điểm hết hạn nộp BBG): có giá trị $\geq$ **362 triệu đồng**.
- c. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.
- d. Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: $\geq$ **12 tháng** kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là **30 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai. Thời gian nhận báo giá không muộn hơn **16 giờ 00 phút ngày 01/12/2025 (trong giờ hành chính)**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.
2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.
3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 9. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá (YCBG);
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 10. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên web site: <https://www.pvpnt2.vn>
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 11. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc tiền bằng hình thức chuyển khoản (Số tài khoản: 006704070001112 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng hòa, người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 % (ba phần trăm) giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho PVPower NT2 khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho PVPower NT2; Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- PVPower NT2 phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi hai Bên hoàn thành thủ tục thanh lý Hợp đồng.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định hiện hành của Luật đấu thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Nhà thầu phải cung cấp gói thầu thay thế và lắp đặt màn hình LED tại sảnh lễ tân và phòng họp lầu 02 tòa nhà Hành chính cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 theo đúng phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật nêu dưới đây trong vòng 30 ngày từ ngày ký hợp đồng:

Mục 1: Phạm vi cung cấp và yêu cầu kỹ thuật, tiến độ và địa điểm thực hiện

1. Phạm vi công việc

Nhà thầu phải cung cấp gói thầu thay thế và lắp đặt màn hình LED tại sảnh lễ tân và phòng họp lầu 02 tòa nhà Hành chính Công ty theo đúng phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật như bảng dưới đây:

Stt	Tên thiết bị	Xuất xứ/ Nhãn hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Màn hình LED P2.5 Kích thước hiển thị màn hình: 800 x 8640mm (Sảnh lễ tân - LED 1) - Model: LED LC2.5P - Kích thước: 160*320mm - Tần số: 3840hz - Kích thước hiển thị: 800 x 8640mm - Card thu NOVA STAR DH7512-S - Bộ xử lý hình ảnh đồng bộ Nova Star TB40 - Nguồn siêu mỏng cho màn hình LED - Hệ khung lắp đặt trong nhà full viền	Lampro hoặc tương đương	m ²	7	CO, CQ
2	Màn hình LED P2 Kích thước hiển thị màn hình: 1600 x 3200mm (Phòng họp tầng 2 - LED 2) - Model: LED LC2P - Kích thước: 160*320mm - Tần số: 3840hz - Kích thước hiển thị: 1600 x 3200mm - Card thu NOVA STAR DH7512-S - Bộ xử lý hình ảnh đồng bộ Nova Star VC4 - Nguồn siêu mỏng cho màn hình LED - Hệ khung lắp đặt trong nhà full viền	Lampro hoặc tương đương	m ²	5,12	CO, CQ
3	Vật tư phụ thi công vừa đủ cho công trình (Tủ điện, atomat, dây điện, dây cáp mạng, dây HDMI, ...) - Tủ điện tường nổi vỏ sắt (kích thước tủ: 40x30x30) - Atomat CB 32A 1P - Hộp phân phối tích hợp cho màn hình LED	Việt Nam	gói	1	

	- Cáp điện 2x6mm² hoặc 2x4mm² đi từ tủ điện đến vị trí màn LED và cáp điện 2x2.5mm² liên kết đi bên trong màn LED - Cáp tín hiệu CAT6 từ bộ xử lý đến màn hình - Dây HDMI từ bộ xử lý đến màn hình - Vít, nở, dây thít, băng keo, ống ghen thi công				
4	Dịch vụ thi công, lắp đặt, vận chuyển - Khảo sát mặt bằng thi công - Vận chuyển vật tư, thiết bị, máy móc đến công trình - Lắp đặt sản phẩm vào vị trí - Hiệu chỉnh, hướng dẫn sử dụng và bàn giao sau khi thi công	Việt Nam	gói	1	

2. Yêu cầu kỹ thuật

Stt	Đặc tính kỹ thuật	Nhãn hiệu
I	Phần thiết bị màn hình – Sảnh lễ tân – (LED 1) và Phòng họp tầng 2 – (LED 2)	
1	Màn hình LED: Được ghép từ các tấm Module LED bằng cách gắn nam châm lên khung giá đỡ bằng treo tường. Kết hợp với các linh kiện khác như bộ chuyển đổi nguồn AC/DC, Card thu tín hiệu để thành một màn hình điện tử có kích thước hiển thị: - Màn hình 1: Rộng 8640mm x Cao 800mm (tỷ lệ hình ảnh hiển thị 10/1) với tấm modul LED P2.5 Diện tích hiển thị màn LED 1: 7m² - Màn hình 2: Rộng 3200mm x cao 1600mm (tỷ lệ hình ảnh hiển thị là 2/1) với tấm modul LED P2 Diện tích hiển thị màn hình LED 2: 5.12m² Yêu cầu chi tiết module LED và linh kiện như sau:	Lampro hoặc tương đương
1.1	Module LED: - Loại trong nhà. Khoảng cách điểm ảnh $\leq 2\text{mm}$. - Chủng loại bóng LED: SMD1515 - Kích thước module: W320mmxH160mm. - Độ sáng: trong khoảng 500cd/m² – 600cd/m². - Tần số làm tươi: $\geq 3840\text{Hz}$. - Độ tương phản: $\geq 5000:1$. - Nhiệt độ màu: 6500K (6500~25000K Adjustable).	Lampro hoặc tương đương
1.2	Card thu tín hiệu: Thông số card thu tín hiệu: - Hỗ trợ độ phân giải lên đến 512×512@60Hz với IC driver PWM - Cổng tín hiệu: 12xHUB75E - hỗ trợ tối đa 24 nhóm dữ liệu RGB song song. <u>Chức năng:</u>	Nova Star hoặc tương đương

	- Mapping; Giám sát nhiệt độ điện áp; Hỗ trợ kết nối LCD giám sát cabinet; - Hiệu chuẩn độ sáng và sắc độ cấp độ điểm ảnh; hiệu chỉnh đường nối tối/sáng; 3D; điều chỉnh gamma riêng lẻ cho RGB và xoay hình ảnh theo bội số 90°. - Theo dõi gói tin lỗi thông qua cổng Ethernet để khắc phục nhanh chóng. - Đọc lại firmware của card để lưu vào máy tính. - Đọc lại thông số cấu hình của card để lưu vào máy tính. - Back up vòng kế nối: Khi một lỗi xảy ra tại một vị trí của các đường dây tín hiệu, màn hình vẫn có thể hiển thị hình ảnh bình thường. - Có thể sao lưu 02 bản firmware trong thẻ nhận. - Trang bị đèn báo và tính năng nháy đèn báo theo tần số nhất định để nhận biết lỗi phát sinh.	
1.3	Khối nguồn: - Đầu ra 5V-60A-300W - Hiệu suất: $\geq 86\%$ - Điện áp điều chỉnh đầu ra: 4.5V-5.5V. - Bảo vệ quá tải: 110%-150%. - Bảo vệ quá điện áp: 110%-140%. - Giải điện áp đầu vào: 180-264VAC (47-63Hz). - Dòng điện rò: <1mA/230VAC. - Bảo vệ chống ngắn mạch. - Tiêu chuẩn đạt được: ISO9001:2015; ISO14001:2015 - Thiết kế theo (Design refer to): EN55022, Class A. - Tiêu chuẩn phù hợp: EN 62368-1:2014+A11:2017. - Nhiệt độ/độ ẩm làm việc: -20~50°C / 20%~95%RH	Chuanliang hoặc tương đương
1.4	Bộ xử lý hình ảnh (Cho màn LED 1) Giao diện vận hành Tiếng Việt. Quản lý ≥ 1.3 tr điểm ảnh Nội dung chạy chữ, hình ảnh Phân vùng chạy nội dung qua app lên hình ảnh	Nova Star hoặc tương đương
1.5	Bộ xử lý hình ảnh (Cho màn LED 2) - Giao diện vận hành Tiếng Việt. - Khả năng quản lý ≥ 2.6 triệu điểm ảnh (Max. width: 3840 pixels, Max. height: 1920 pixels) - Input: + 1*HDMI1.3: 1920×1080@60Hz - 10bit RGB4:4:4 + 1*DVI: 1920×1080@60Hz + 1*VGA: 1920×1080@60Hz + 1*USB2.0: 1080p@30fps video (NTFS, FAT32 and FAT16) +1*CVBS: PAL/NTSC standard video inputs - Audio: 02 (Input/Output)	Nova Star hoặc tương đương
1.6	Hệ khung giá đỡ treo màn hình LED: Được chế tạo bằng thép hộp tráng kẽm, hàn cắt theo kích thước phù hợp. Treo đỡ lên tường, chống sần đảm bảo vững chắc.	

II	Phần vật tư phụ thi công lắp đặt màn hình Sảnh lễ tân – (LED 1) và Phòng họp tầng 2 – (LED 2)	
	Tủ điện, atomat, cáp điện, cáp mạng vừa đủ thi công + Tủ điện nổi vỏ sắt (kích thước tủ : 40x30x30) + Atomat CB 32A 1P và CB 16A 1P và thanh gài + Dây cáp điện tủ điện tầng tới vị trí màn hình: Cáp điện 1 Pha Cu/PVC/PVC 2Cx6mm ² (cho màn hình 1), cáp điện 1 pha 2x4mm ² (cho màn hình 2) + Cáp điện 2Cx2.5mm ² từ hộp điện màn hình ra màn hình chạy liên kết các LED. + Cáp tín hiệu CAT6 từ bộ xử lý đến màn hình: 06 sợi x 20-25m/sợi + Dây HDMI từ bộ xử lý đến màn hình + Vít, nở, dây thít, băng keo, ống ghen thi công	Dịch vụ theo gói
III	Phần dịch vụ thi công lắp đặt màn hình Sảnh lễ tân – (LED 1) và Phòng họp tầng 2 –(LED 2) + Khảo sát mặt bằng thi công + Vận chuyển vật tư, thiết bị, máy móc đến công trình + Lắp đặt sản phẩm vào vị trí + Hiệu chỉnh, hướng dẫn sử dụng và bàn giao sau khi thi công	Dịch vụ theo gói

3. Tiến độ và địa điểm thực hiện:

❖ **Tiến độ thực hiện:** 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

❖ **Địa điểm thực hiện:** Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

- PVPower NT2 hoặc đại diện của PVPower NT2 có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian sẽ do PVPower NT2 thông báo trước và được Nhà thầu thống nhất chấp thuận.
- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì PVPower NT2 có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, PVPower NT2 có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của PVPower NT2 không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.
- Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc Nhà thầu không chứng minh được về chất lượng hàng hóa thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức

năng thực hiện công tác này, chi phí do Nhà thầu chịu.

- Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Tại văn phòng của bên mời thầu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Mục 3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm vận chuyển và thi công lắp đặt hàng hóa tại văn phòng của PVPower NT2, tại ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Nhà thầu cam kết bảo hành ≥ 12 **tháng** kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Tổng hợp giá chào (Kết chuyển từ giá chào của hàng hóa bảng số 03a(1))	(1)
Tổng cộng giá chào <i>(đã bao gồm toàn bộ thuế phí cần thiết để thực hiện gói thầu)</i> (M) = (1) <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ/ Nhà SX	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Màn hình LED P2.5 Kích thước hiển thị màn hình: 800 x 8640mm (Sảnh lễ tân - LED 1) - Model: LED LC2.5P - Kích thước: 160*320mm - Tần số: 3840hz - Kích thước hiển thị: 800 x 8640mm - Card thu NOVA STAR DH7512-S - Bộ xử lý hình ảnh đồng bộ Nova Star TB40 - Nguồn siêu mỏng cho màn hình LED Hệ khung lắp đặt trong nhà full viền	m ²	7	Lampro hoặc tương đương		
2	Màn hình LED P2 Kích thước hiển thị màn hình: 1600 x 3200mm (Phòng họp tầng 2 - LED 2) - Model: LED LC2P - Kích thước: 160*320mm - Tần số: 3840hz - Kích thước hiển thị: 1600 x 3200mm - Card thu NOVA STAR DH7512-S - Bộ xử lý hình ảnh đồng bộ Nova Star VC4 - Nguồn siêu mỏng cho màn hình LED Hệ khung lắp đặt trong nhà full viền	m ²	5,12	Lampro hoặc tương đương		
3	Vật tư phụ thi công vừa đủ cho công trình (Tủ điện, atomat, dây điện, dây cáp mạng, dây HDMI, ...) - Tủ điện tường nổi vỏ sắt (kích thước tủ: 40x30x30) - Atomat CB 32A 1P - Hộp phân phối tích hợp cho màn hình LED - Cáp điện 2x6mm ² hoặc 2x4mm ² đi từ tủ điện đến vị trí màn LED và cáp điện 2x2.5mm ² liên kết đi bên trong màn LED - Cáp tín hiệu CAT6 từ bộ xử lý đến	gói	1	Việt Nam		

	màn hình - Dây HDMI từ bộ xử lý đến màn hình Vít, nở, dây thít, băng keo, ống ghen thi công					
4	Dịch vụ thi công, lắp đặt, vận chuyển - Khảo sát mặt bằng thi công - Vận chuyển vật tư, thiết bị, máy móc đến công trình - Lắp đặt sản phẩm vào vị trí Hiệu chỉnh, hướng dẫn sử dụng và bàn giao sau khi thi công	gói	1			
Cộng trước thuế (VAT):						
Thuế VAT:						
Tổng cộng đã bao gồm thuế VAT:						
<i>(Kết chuyển sang Bảng tổng hợp giá chào – Mẫu số 03a)</i>						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 24/2024/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán (cung cấp) thi công lắp đặt màn hình LED tại sảnh lễ tân và phòng họp lầu 02 tòa nhà Hành chính Công ty theo phụ lục 1-Biểu giá; Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.
- Phối hợp, hướng dẫn Bên A trong quá trình lắp đặt, vận hành, chạy thử.

Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ (*bằng chữ :...*)
2. Điều chỉnh thuế (áp dụng đối với thuế VAT): Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
3. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: PVPower NT2 thanh toán 100% giá trị của hợp đồng trong vòng 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày PVPower NT2 nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của Nhà thầu gồm:

- Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
- Bản gốc Hóa đơn GTGT của bên B theo quy định của Bộ Tài Chính;
- Một (01) Bản gốc/Bản sao (có xác nhận của nhà sản xuất/nhà nhập khẩu) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do cơ quan thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục 1 của hợp đồng;
- Một (01) Bản gốc/Bản sao (có xác nhận của nhà nhập khẩu) Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) do nhà sản xuất cấp đối với danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục 1 của hợp đồng;
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa;
- Biên bản giao nhận hàng hóa;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và bàn giao đưa vào sử dụng;
- Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành;
- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng;
- Bản gốc thư Bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng/ tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Điều 6. Loại Hợp đồng: Trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện gói thầu

- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời gian thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành tất cả công việc và bàn giao đưa vào sử dụng cho bên A.

Điều 8. Cung cấp, vận chuyển, thi công lắp đặt, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

- Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá, cụ thể là: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Giao hàng tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các

hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 9. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Thay đổi yêu cầu công việc theo hợp đồng;
 - b) Bổ sung hạng mục công việc ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;
 - c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng.
 - Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thư bảo lãnh do ngân hàng/ tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đóng tiền đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của PVPower NT2.
 - Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng: 3% giá Hợp đồng.
 - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thời gian thực hiện Hợp đồng cộng thêm 30 ngày
2. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho PVPower NT2 khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho PVPower NT2; nhà thầu thực hiện dịch vụ chậm tiến độ.
3. PVPower NT2 phải hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn: sau 30 ngày kể ngày hai Bên hoàn thành thủ tục thanh lý Hợp đồng.

Điều 11. Bảo hành

- Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.
- Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công việc vận hành, chạy thử hệ thống thiết bị liên quan.

Điều 12. Chấm dứt hợp đồng

1. PVPower NT2 hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:
 - a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được PVPower NT2 gia hạn;

b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp PVPower NT2 chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, PVPower NT2 có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Nhà thầu đã không thực hiện. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho PVPower NT2 những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp PVPower NT2 chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, PVPower NT2 không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của PVPower NT2 được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 13: Phạt do vi phạm thời gian giao hàng

Nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,05% giá trị hàng hóa giao chậm cho mỗi ngày chậm giao hàng và mức tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng trước thuế. Khi thời gian giao hàng vượt quá 4 tuần, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. PVPower NT2 và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
3. Hợp đồng được lập thành 04 bộ, PVPower NT2 giữ 03 bộ, Nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 1
BIỂU GIÁ VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ/ Nhà SX	Chứng từ cung cấp	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Màn hình LED P2.5 Kích thước hiển thị màn hình: 800 x 8640mm (Sảnh lễ tân - LED 1) - Model: LED LC2.5P - Kích thước: 160*320mm - Tần số: 3840hz - Kích thước hiển thị: 800 x 8640mm - Card thu NOVA STAR DH7512-S - Bộ xử lý hình ảnh đồng bộ Nova Star TB40 - Nguồn siêu mỏng cho màn hình LED Hệ khung lắp đặt trong nhà full viền	m ²	7	Lampro hoặc tương đương	CO, CQ		
2	Màn hình LED P2 Kích thước hiển thị màn hình: 1600 x 3200mm (Phòng họp tầng 2 - LED 2) - Model: LED LC2P - Kích thước: 160*320mm - Tần số: 3840hz - Kích thước hiển thị: 1600 x 3200mm - Card thu NOVA STAR DH7512-S - Bộ xử lý hình ảnh đồng bộ Nova Star VC4 - Nguồn siêu mỏng cho màn hình LED Hệ khung lắp đặt trong nhà full viền	m ²	5,12	Lampro hoặc tương đương	CO, CQ		

3	Vật tư phụ thi công vừa đủ cho công trình (Tủ điện, atomat, dây điện, dây cáp mạng, dây HDMI, ...) - Tủ điện tường nổi vỏ sắt (kích thước tủ: 40x30x30) - Atomat CB 32A 1P - Hộp phân phối tích hợp cho màn hình LED - Cáp điện 2x6mm ² hoặc 2x4mm ² đi từ tủ điện đến vị trí màn LED và cáp điện 2x2.5mm ² liên kết đi bên trong màn LED - Cáp tín hiệu CAT6 từ bộ xử lý đến màn hình - Dây HDMI từ bộ xử lý đến màn hình Vít, nở, dây thít, băng keo, ống ghen thi công	gói	1	Việt Nam			
4	Dịch vụ thi công, lắp đặt, vận chuyển - Khảo sát mặt bằng thi công - Vận chuyển vật tư, thiết bị, máy móc đến công trình - Lắp đặt sản phẩm vào vị trí Hiệu chỉnh, hướng dẫn sử dụng và bàn giao sau khi thi công	gói	1				
Cộng trước thuế (VAT):							
Thuế VAT:							
Tổng cộng đã bao gồm thuế VAT:							

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu*]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (*hoặc hợp đồng*), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*]⁽³⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*Ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số _____ [*Ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN BẢN CHÀO GIÁ VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận BCG và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận BCG và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là: ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Điều 9 Chương IV]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của YCBG. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]